TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2020/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị X – Sinh năm 1980

Trú tại: Bản Thành Yên, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Số CCCD: 038180004679, cấp ngày 20/6/2017; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Bị đơn: Anh Phạm Văn D – Sinh năm 1980

Trú tại: Bản Phai, xã Trung Thành, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt

Căn cứ vào điều 28, điều 35, điều 146, điều 147, điều 212, điều 213, điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 147, điều 148 và điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 68, điều 69, điều 71, điều 72, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều điều 3; điều 6; khoản 7 điều 26; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị X, sinh năm 1980 và anh Phạm Văn D, sinh năm 1980.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Phạm Văn D thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa anh chị Đinh Thị X và anh Phạm Văn D chấm dứt kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/11/1997 của Ủy ban nhân dân xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp cho chị Đinh Thị X và anh Phạm Văn D không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 03 con chung, tên các cháu là: Phạm Thị D, sinh ngày 22/10/1999, cháu Phạm Thị Q, sinh ngày 08/01/2002 và cháu Phạm Nguyên C, sinh ngày 19/8/2012; Hiện tại 02 cháu Phạm Thị D và cháu Phạm Thị Q nay đã trưởng thành, cháu Phạm Nguyên C hiện đang ở với bố, cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực; Quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Nguyên C có nguyện vọng muốn được ở với bố, chị Đinh Thị X và anh Phạm văn D cũng tự nguyện, thống nhất, giao cháu Phạm Nguyên C, sinh ngày 19/8/2012 cho anh Phạm Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Đinh Thị X có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận và thống nhất, chị Đinh Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Đinh Thị X có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi khi có căn cứ của pháp luật; Anh Phạm Văn D có quyền là đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị X và anh Phạm Văn D đều thống nhất mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận chị Đinh Thị X đã nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí HN&GĐ sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004327 ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Đinh Thị X được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Anh Phạm Văn D phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Đinh Thị X;
- Bị đơn Phạm Văn D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng